

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST

Ngày 30 – 3 – 2018

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Cúc

2. Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2018 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L (N) – Sinh năm 1982 (có mặt). Địa chỉ cư trú: đường L, khóm T, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hoàng N – Sinh năm 1980 (có mặt). Địa chỉ cư trú: đường L, khóm M, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 21/02/2018 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Hoàng N chung sống với nhau vào năm 2003, vì bận công việc làm ăn nên anh chị không đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống từ đó anh chị ly thân hơn một năm nay. Hiện chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên chị yêu cầu được ly hôn anh N.

- Về con chung: Chị xác định chị và anh N có 01 người con chung tên Lê Hoàng D – sinh ngày 26/11/2003, hiện cháu D đang sống với anh N. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị xác định vợ, chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị khai vợ, chồng chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng.

Tại bản tự khai và lời trình bày của bị đơn là anh Lê Hoàng N trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

- Về hôn nhân: anh và chị L chung sống với nhau vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn, do bận công việc làm ăn nên không có thời gian đi đăng ký đúng như chị L trình bày. Quá trình chung sống, anh chị bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp, đã ly thân nhau hơn một năm nay, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên chị L yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Hoàng D – sinh ngày 26/11/2003, hiện cháu D đang sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh xác định anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh xác định không nợ ai cũng không ai nợ lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hoàng N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh N, chị L xác định anh chị có 01 người con chung tên Lê Hoàng D – sinh ngày 26/11/2003, hiện cháu D đang sống với anh N. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu D cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời nguyện vọng của cháu D muốn được chung sống với cha nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị là giao cháu D cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L, anh N xác định vợ, chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[5] Về nợ chung: Chị L, anh N khai vợ, chồng anh không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng anh nên không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hoàng N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng D – sinh ngày 26/11/2003 cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị L được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị L, anh N xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét;

4. Về nợ chung: Chị L, anh N khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ. Ngày 21 tháng 02 năm 2018, chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000363 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị L, anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Thu